

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
T PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D T PHỐ HẢI PHÒNG**

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Ông Ngô Văn T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, T phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Cường-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận D, T phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị L; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T 2, phường A, quận D, T phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện K, T phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Trung T; nơi cư trú: Tổ dân phố T 2, phường A, quận D, T phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Trung T tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận D, T phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 02 năm 2015. Sau

khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T ở phường A, quận D, T phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải nhưng không được, chị đã bỏ về ngoại sinh sống từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngô Trúc M, sinh ngày 14-10-2015, hiện cháu đang ở với bố và ông bà nội, chị L có nguyện vọng để anh T tiếp tục nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Trung T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T. Anh T trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn như chị L trình bày. Nay chị L làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trần Ngô Trúc M, sinh ngày 14-10-2015, hiện cháu đang ở với anh và ông bà nội, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị L được, anh có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của mẹ đẻ anh T xác định: Chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không T. Con chung của anh T và chị L là cháu Trúc M đang ở cùng với anh T và ông bà, bà đề nghị tòa án giao con cho anh T tiếp tục nuôi con, bà sẽ cùng anh T chăm sóc, giáo dục cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, T phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người các đương sự và căn cứ quy định tại các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cho anh T nuôi con chung Trần Ngô Trúc M, sinh ngày 14-10-2015. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị L và anh Trần Trung T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận D, T phố Hải Phòng năm 2015; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Ngô Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn, anh Trần Trung T hiện đang cư trú tại tổ dân phố T 2, phường A, quận D, T phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, T phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Trung T đã được Tòa án triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Trung T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, thiếu sự chia sẻ, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T không thể hòa giải được, cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn sự quan tâm tới nhau. Lời khai của anh Trần Trung T thống nhất với lời khai của chị L, anh T cũng đồng ý ly hôn chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vì lý do công việc nên vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung Trần Ngô Trúc M, sinh ngày 14-10-2015; cháu Trúc M đang ở với anh T từ năm 2017 đến nay, khi ly hôn chị L đề nghị giao con cho anh T nuôi; anh T đề nghị được tiếp tục nuôi con. Yêu cầu của chị L và anh T về việc nuôi con phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận và giao con chung cho anh T

trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Ngô Thị L và anh Trần Trung T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Trần Trung T.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Trung T nuôi con chung là Trần Ngô Trúc M, sinh ngày 14-10-2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014377 ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, T phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Ngô Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Trung T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND P.A, Q.D, Hải Phòng (ĐKKH số 07/2015);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung

